TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HSST
Ngày: 23/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Xuân Tỉnh - cán bộ hưu trí.
2. Bà Trần Thị Bích Vân - Phó giám đốc Trung tâm VHTT&TT huyện Đ.

Thư ký phiên tòa bà: Hồ Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa ông: Phạm Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại hội trường thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 16/2023/HSST, ngày 18 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2023, đối với bị cáo:

Trần Thị S, sinh năm: 1970, tại tỉnh Gia Lai; trú tại: tổ 2, thị trấn K, huyện K, Gia Lai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha không xác định và mẹ là Trương Thị H, sinh năm 1934; Họ và tên chồng: Nguyễn Tấn B (đã chết), vợ chồng bị cáo có 03 người con chung; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Xấu, ngày 07/5/2019 S bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xử phạt 10 tháng tù giam về tội "*tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*". Ngày 03/7/2020, S chấp hành xong hình phạt tù và thực hiện xong các nghĩa vụ án phí hình sự sơ thẩm, tiền tịch thu sung ngân sách Nhà nước và đã được xóa án tích; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn *"Cấm đi từ nơi cư trú"* từ ngày 24/4/2023 đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

+ Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị S: ông Nguyễn Công T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

+ Bị hại:

- Anh Lê Thành Q, sinh năm 1979 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Thành Q:

Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1947. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Thành Q: Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

- Cháu Lê Minh V, sinh ngày 22/02/2014. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Minh V: Chị Huỳnh Thị T (mẹ của cháu V)

Người làm chứng:

Chị Bùi Thị Hồng Th, sinh ngày 21/3/1984. Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 23/02/2023, bị cáo Trần Thị S điều khiển xe mô tô BKS 81K1-097.50 (loại xe có dung tích xilanh 97cm^3) đi từ nhà ở thị trấn K, huyện K đến xã T, huyện Đ để chơi. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày S điều khiển xe mô tô theo hướng từ thôn T, xã T đi ra đường Quốc lộ 19, với tốc độ khoảng 30km/h. Cùng lúc này có xe mô tô BKS 81K7-7078 do anh Lê Thành Q điều khiển chở phía sau con trai tên Lê Minh V chạy ngược chiều tới gần, S bị ánh đèn xe chiếu làm lóa mắt nên điều khiển xe mô tô BKS 81K1-097.50 lấn sang phần đường bên trái theo hướng đi 1,75m dẫn đến bánh xe trước của xe mô tô BKS 81K1-097.50 đã tông vào cụm phanh trước bên trái của xe mô tô BKS 81K7-7078 làm S, anh Q và cháu V ngã xuống mặt đường bê tông, vùng trán phải của anh Q đập xuống đường. Xe mô tô BKS 81K1-097.50 ngã nghiêng sang trái, xe mô tô BKS 81K7-7078 ngã nghiêng sang phải và bô xe mô tô BKS 81K7-7078 đè lên cẳng chân phải của cháu V gây bỏng. Hậu quả của vụ tai nạn làm anh Q bị chấn thương sọ não chết trên đường đưa đi cấp cứu, Sương và cháu V bị thương, hai xe mô tô bị hư hỏng.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Hiện trạng xảy ra tại đoạn đường bê tông liên xã Tân An đi huyện K, tỉnh Gia Lai thuộc Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, cách quốc lộ 19 khoảng 400m. Mặt đường rộng 3,5m, lề phải rộng 0,9m, lề trái rộng 1m. (phải, trái tính theo hướng huyện K đi ra đường Quốc lộ 19).

Xe mô tô BKS 81K1-097.50 được đánh số thứ tự là (1), nằm ngã nghiêng sang trái, ở mép đường bên trái. Trục bánh trước cách mép đường bên phải là 3,12m, trục bánh sau cách mép đường bên phải là 3,84m, xe chếch nghiêng 45^0 về hướng Quốc lộ 19.

Xe mô tô BKS 81K7-7078 được đánh số thứ tự là (2), nằm ngã nghiêng sang phải, đầu quay hướng K, đuôi quay hướng Quốc lộ 19. Trục bánh trước cách mép đường bên phải là 2,14m, trục bánh sau cách mép đường bên phải là 2,85m. Trục bánh trước (2) cách trục bánh trước (1) là 0,48m.

Vết màu đỏ thẩm nghi là máu được đánh số thứ tự là (3), nằm ở phần đường bên trái, có diện (0,7 x 0,57)m. Tâm (3) cách mép đường bên phải là 2,83m và cách trục bánh sau (2) là 1,13m.

Vết màu đỏ thẩm nghi là máu được đánh số thứ tự là (4), nằm ở phần đường bên trái, có diện (0,32 x 0,38)m. Tâm (4) cách mép đường bên phải là 4,02m và cách tâm (3) là 1,25m.

Diện vỡ được đánh số thứ tự là (5), có diện (2 x 1,65)m. Tâm diện (5) cách mép đường bên phải là 3,55m và cách tâm (4) là 1,35m.

Quá trình khám nghiệm đã lấy trụ điện số 471AKH/250/6 nằm bên phải trong lề đường làm mốc và lấy mép đường bên phải theo hướng K đi Quốc lộ 19 làm chuẩn. Từ điểm mốc đến trục bánh sau xe (1) là 25,5m và đến trục bánh sau xe (2) là 23,1m. Đã kiểm tra kỹ và mở rộng hiện trường, không phát hiện dấu vết gì khác.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 228/KLGĐTT-KTHS ngày 22/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Gia Lai kết luận tử thi Lê Thành Q như sau: 1. Các kết quả chính: Vùng trán phải: Mô cơ dưới da bầm tụ máu; vỡ, sụp lún xương sọ trán phải đo được kích thước (5 x 4)cm, có máu chảy ra qua chỗ vỡ; Ống tai trái, mũi, miệng chảy dịch đỏ; Có dấu hiệu gãy xương gò má phải; Có dấu hiệu gãy các xương sườn trái. 2. Kết luận nguyên nhân chết: "Chấn thương sọ não".

Tại bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-ĐGTS ngày 17/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: Giá trị thiệt hại của xe mô tô BKS 81K7-7078 là 3.000.000 đồng; Giá trị thiệt hại của xe mô tô BKS 81K1-097.50 là 5.500.000 đồng.

Tại cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 17/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Trần Thị S về tội: *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị S phạm tội: *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"*. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm a khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị S từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Buộc bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Áp dụng Điều 585, Điều 591 và Điều 601 của Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bên để buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 150.000.000đồng.

Gia đình bị cáo là hộ nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn tòa bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi phạm tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* của bị cáo xảy ra tại địa bàn huyện Đ, tỉnh Gia Lai nên về thẩm quyền khởi tố điều tra, truy tố và xét xử thuộc các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Đ, tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử Điều tra viên, Kiểm sát viên và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Xét hành vi của bị cáo thì vào khoảng khoảng 19 giờ ngày 23/02/2023, bị cáo Trần Thị S điều khiển xe mô tô BKS 81K1-097.50 đi theo hướng từ thôn T, xã T đi ra đường Quốc lộ 19, với tốc độ khoảng 30km/h. Cùng lúc này có xe mô tô BKS 81K7-7078 do anh Q điều khiển chở phía sau con trai là cháu V chạy ngược chiều tới gần, lúc này bị cáo bị ánh đèn xe chiếu làm lóa mắt nên điều khiển xe mô tô do bị cáo điều khiển lấn sang phần đường bên trái theo hướng đi 1,75m dẫn đến bánh xe trước của xe mô tô bị cáo điều khiển đã tông vào cụm phanh trước bên trái của xe mô tô anh Q điều khiển làm cả 03 người ngã xuống mặt đường bê tông, vùng trán phải của anh Q đập xuống đường. Hậu quả của vụ tai nạn làm anh Q bị chấn thương sọ não chết trên đường đưa đi cấp cứu, bị cáo S và cháu V bị thương, hai xe mô tô bị hư hỏng.

Xét về lỗi trong vụ án này cũng có một phần lỗi của bị hại khi tham gia giao thông không có giấy phép lái xe. Bị cáo S có giấy phép lái xe hạng A1 nhưng khi tham gia giao thông bị cáo không thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị cáo điều khiển tham gia giao thông không đảm bảo an toàn, không làm chủ tốc độ, chạy lấn phần đường của xe ngược chiều, quan sát xử lý tình huống kém nên đã gây tai nạn lỗi chính gây tai nạn là do bị cáo S gây ra. Hành vi nêu trên của bị cáo đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ.

Từ những nhận định trên cùng với biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận bị cáo S phạm tội: *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự, như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả gây ra cho xã hội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo S là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, xâm phạm nghiêm trọng đến tính mạng, tài sản của anh Q và sức khỏe của cháu V. Khi điều khiển xe ô tô tham gia giao thông bị cáo đã không chấp hành đúng các quy định luật giao thông đường bộ, không xử lý kịp thời tình huống xảy ra và chưa nhận thức được điều khiển phương tiện tham gia giao thông là nguồn nguy hiểm cao độ, để chấp hành đúng các quy định của luật giao thông đường bộ, nên việc gây ra tai nạn là hoàn toàn do lỗi bị cáo.

Về nhân thân của bị cáo S xấu, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, gia đình bị cáo S có hoàn cảnh kinh tế khó khăn thuộc diện hộ nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Xét về căn cứ áp dụng pháp luật và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt áp dụng cho bị cáo mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa là

tương xứng với hành vi của bị cáo và phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị trên.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo. Nhưng xét thấy sau tai nạn bị cáo chưa bồi thường, việc bồi thường chưa kịp thời và bỏ mặc hậu quả trong một khoảng thời gian dài, đồng thời vụ án được đưa ra xét xử lưu động nhằm phục vụ công tác tuyên truyền pháp luật tại địa phương. Do đó, cần xử nghiêm đối với bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo ý thức được hậu quả do hành vi của mình gây ra nhằm giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội là điều cần thiết.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người đại diện của gia đình bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản tiền gồm: Tiền tổn thất tinh thần, tiền cấp dưỡng nuôi con của bị hại Q đến khi 18 tuổi và chi phí mai tán với tổng số tiền là 150.000.000đồng. Hiện tại bị cáo chưa bồi thường cho gia đình bị hại. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho gia đình bị hại toàn bộ số tiền trên. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bên để buộc bị cáo bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 150.000.000đồng.

[6] Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp đúng quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Riêng đối với giấy phép lái xe hạng A1, số 641079004223 mang tên Trần Thị S do Sở Giao thông vận tải tỉnh Gia Lai cấp ngày 29/9/2016 không phải là vật chứng của vụ án theo quy định tại Điều 89 Bộ luật tố tụng hình sự nhưng là tài liệu có liên quan trực tiếp đến vụ án được cơ quan điều tra tạm giữ và chuyển theo hồ sơ vụ án. Do không áp dụng biện pháp cấm hành nghề lái xe vì vậy theo hướng dẫn tại công văn số 81/2002/TANDTC ngày 10/6/2002 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án sẽ trả lại cho bị cáo sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không tuyên việc xử lý này vào phần Quyết định của bản án

[7] Về án phí: Gia đình bị cáo là hộ nghèo, bị cáo có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn tòa bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Áp dụng Điều 585, Điều 591 và Điều 601 của Bộ luật dân sự; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố bị cáo Trần Thị S phạm tội: *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"*.

[2] Xử phạt: Trần Thị S 01 (một) năm tù. Thời hạn phạt tù tính kể từ ngày có biên bản bắt bị cáo đi thi hành án.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Buộc Trần Thị S phải bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, nếu không có thỏa thuận thì mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tại thời điểm thanh toán.

[5] Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Thị S.

[6] Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[7] Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (23/8/2023) bị cáo, đại diện hợp pháp cho bị hại có quyền làm đơn kháng cáo bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo, bị hại, các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Ngọc Bình